**III. TTHC Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật**

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật) nộp hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hết hạn).

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và thành lập Đoàn đánh giá thực tế tại cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra, đánh giá và xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản và không mở rộng phạm vi sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, các dạng thuốc thành phẩm thì không thành lập Đoàn đánh giá.

- Bước 4: Đánh giá thực tế tại cơ sở

+ Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở trước thời điểm đánh giá 07 ngày làm việc, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

- Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với trường hợp phải thành lập đoàn đánh giá.

+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở xếp loại A.

+ Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu, Cục Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt yêu cầu và thời hạn khắc phục. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại, Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật cho cơ sở.

+ Trường hợp không cấp, Cục Bảo vệ thực vật thông báo bằng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ

- Trực tiếp

- Bưu điện

- Trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT; Bản sao chụp giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền về môi trường cấp.

- Trường hợp có phòng thử nghiệm thì nộp bản sao chụp Giấy chứng nhận hoặc các tài liệu liên quan đến việc công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025:2005 hoặc tương đương.

- Trường hợp không có phòng thử nghiệm thì nộp bản sao chụp hợp đồng với phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO 17025:2005 hoặc tương đương.

- Trường hợp cơ sở đã hoạt động từ 02 năm trở lên, bổ sung bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận hoặc các tài liệu liên quan đến việc công nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy và 01 bản điện tử định dạng PDF.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- 30 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- 35 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt yêu cầu hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thời hạn khắc phục.

- 07 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở xếp Loại A.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Bảo vệ thực vật

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

**8. Phí, lệ phí:**

*Theo quy định tại Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 (Mục I, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật).*

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

 - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*- Cơ sở sản xuất thuốc có địa điểm, nhà xưởng, kho thuốc, bảo đảm về diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường theo đúng quy định, phù hợp với quy mô sản xuất.*

*- Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học; người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện, bồi dưỡng về chuyên môn, kiến thức về thuốc bảo vệ thực vật.*

*- Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật phải được bố trí trong khu công nghiệp và đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.*

*- Thiết bị, dây chuyền sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thuốc thành phẩm từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng quy trình, công nghệ sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.*

*- Hệ thống xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải phải đáp ứng quy định pháp luật và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp.*

*- Có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Trường hợp không có phòng thử nghiệm thì phải có hợp đồng kiểm tra chất lượng với phòng thử nghiệm đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chất lượng sản phẩm hàng hóa đối với mỗi lô sản phẩm xuất xưởng.*

*- Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương do các tổ chức chứng nhận đã được đăng ký theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp cấp.*

*Đối với nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật được xây dựng ngoài khu công nghiệp trước ngày 17 tháng 9 năm 2019 thì vẫn được duy trì hoạt động nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về môi trường.*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

*- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.*

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

*- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.*

**Phụ lục XIV**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số* **21***/2015 /TT-BNNPTNT ngày* **08** *tháng* **6** *năm 2015*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

**SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật hoặc

 Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:………………………………………… ……………………….

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………

Tel: ……………………... Fax:……………………... E-mail: ……………………………..

2. Tên cơ sở: …………………………………………………………………………

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………...……….

Tel: ……………………... Fax:……………………... E-mail: ……………………………...

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

***Đề nghị Quí cơ quan***

[ ]  Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

* Sản xuất hoạt chất [ ]
* Sản xuất thuốc kỹ thuật [ ]
* Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật [ ]
* Đóng gói [ ]

[ ]  Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

* Cơ sở có cửa hàng [ ]
* Cơ sở không có cửa hàng [ ]

[ ]  Cấp mới [ ]  Cấp lại lần thứ ………..

**Hồ sơ gửi kèm:**.................................................................................................................

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

 *……, ngày….. tháng…..năm……*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện cơ sở***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục XV**

**MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số* **21***/2015 /TT-BNNPTNT ngày* **08** *tháng* **6** *năm 2015*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẨN THUYẾT MINH**

**ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

**1. Đơn vị chủ quản**:.....................................................................................................................

Địa chỉ: .........................................................................................................................................

Điện thoại: .........................Fax:........................E-mail: ...............................................................

**2. Tên cơ sở:** ................................................................................................................................

Địa chỉ: .........................................................................................................................................

Điện thoại: .........................Fax:........................E-mail: ...............................................................

**3. Tên người đại diện** (người trực tiếp quản lý sản xuất): ..........................................................

Địa chỉ: .........................................................................................................................................

Điện thoại: ....................Mobile: ....................Fax:................... E-mail: ......................................

**4. Trạm cấp cứu gần nhất:** ........................................................................................................

Địa chỉ: .........................................................................................................................................

Điện thoại: ................................Fax:.............................................................................................

Khoảng cách đến cơ sở (km): ......................................................................................................

**5. Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):** .............................................................................................

Địa chỉ: .........................................................................................................................................

Điện thoại: ................................Fax:.............................................................................................

Khoảng cách đến cơ sở (km): ......................................................................................................

**6. Đồn cảnh sát gần nhất:** ..........................................................................................................

Địa chỉ: .........................................................................................................................................

Điện thoại: ................................Fax:.............................................................................................

Khoảng cách đến cơ sở (km): ......................................................................................................

**7. Tên khu dân cư gần nhất:** .....................................................................................................

Khoảng cách đến cơ sở (km): ......................................................................................................

**8. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:** ........................................

**9. Loại hình hoạt động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - DN nhà nước [ ] - DN liên doanh với nước ngoài [ ]  - DN tư nhân [ ]  |  | - DN 100% vốn nước ngoài [ ] - DN cổ phần [ ] - Khác: (ghi rõ loại hình) [ ] .................................................... |

**10. Loại hình sản xuất**

- Sản xuất hoạt chất [ ]

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật [ ]

- Sản xuất thuốc kỹ thuật [ ]

- Đóng gói [ ]

**11. Công suất thiết kế:** ...........................................................................................................

**II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT**

**1. Nhà xưởng, trang thiết bị:**

- Sơ đồ tổng thể mặt bằng sản xuất *(bản vẽ kèm theo)* [ ]

- Sơ đồ bố trí các thiết bị sản xuất chính *(bản vẽ kèm theo)* [ ]

- Sơ đồ bố trí kho thuốc *(bản vẽ kèm theo)* [ ]

- Diện tích khu vực sản xuất (m2): .............................................................................................

+ Khu vực sản xuất: chiều dài (m): .............. chiều rộng (m): .......................................

+ Khu vực kho: chiều dài (m): ............... chiều rộng (m): ..........chiều cao: ..........

+ Khu vực kiểm tra chất lượng: chiều dài (m): .............. chiều rộng (m): .......................

*\* trường hợp có nhiều khu vực sản xuất, kho thì liệt kê.*

**2. Quy trình sản xuất thuốc bảo vệ thực vật**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **STT** | **Dạng thành phẩm** | **Tên thương phẩm***(nếu có)* | **Hoạt chất** *(ghi rõ thành phần,hàm lượng)* | **Mã số quy trình** | **Ghi chú** |
| 1. **Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật**
 |
| 1 |  |  |  |  | *Quy trình kèm theo* |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |
| 1. **Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật**
 |
| 1 |  |  |  |  | *Quy trình kèm theo* |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |
| **III. Đóng gói** |
| 1 | EC |  |  |  |  |
| 2 | SC |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |

*Quy trình sản xuất được xây dựng cho mỗi sản phẩm, mỗi cỡ lô sản xuất và được phê duyệt bởi người có thẩm quyền của cơ sở. Quy trình cần có các thông tin: tên sản phẩm, mã số của quy trình, mục đích, định mức sản xuất (danh mục nguyên liệu và phụ gia, định lượng của từng loại, lượng thành phẩm dự kiến và giới hạn cho phép, hao hụt), địa điểm, thiết bị sử dụng chủ yếu, các bước tiến hành (ví dụ: kiểm tra nguyên liệu, trình tự thêm các nguyên vật liệu, thời gian, tốc độ nhiệt độ trộn...), kiểm tra chất lượng và các giới hạn tương ứng, ghi chép nhật ký, nhập kho, bảo quản, bao bì, nhãn mác, vệ sinh, các điểm phải lưu ý.*

**3. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung**

.......................................................................................................................................................

**4. Dây chuyền, thiết bị sản xuất chính**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Nước sản xuất** | **Tổng công suất** | **Năm bắt đầu sử dụng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**5. Hệ thống phụ trợ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Nước sản xuất** | **Tổng công suất** | **Năm bắt đầu sử dụng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**6. Nhân lực**

- Sơ đồ tổ chức bộ máy liên quan trực tiếp đến sản xuất: *(bản vẽ kèm theo)* [ ]

- Danh sách nhân sự *(bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển, hóa chất nguy hiểm):*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Nam/Nữ** | **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ**  | **Chức vụ, chức danh**  | **Những khóa đào tạo đã tham gia** | **Điều kiện sức khỏe**  | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |

Trong đó:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành cơ sở sản xuất phải có trình độ đại học chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học;

- Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có Giấy chứng nhận sức khỏe của theo quy định của Bộ Y tế;

- Người trực tiếp sản xuất phải có Giấy chứng nhận tập huấn an toàn hoá chất bảo vệ thực vật của theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này.

**7. Nguồn nước**

- Nước công cộng [ ]

- Nước giếng khoan [ ]

**8. Hệ thống xử lý chất thải**

- Nước thải: [ ]  Có [ ]  Không

- Khí thải: [ ]  Có [ ]  Không

- Chất thải rắn: *(bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý)* …………………………

**9. Trang thiết bị bảo hộ lao động**

 ....................................................................................................................................................

**10. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ**

…………………………………………......................................................................................

**11. Phòng thử nghiệm**

[ ]  Có (tiếp tục khai báo mục 11.1)

[ ]  Không (tiếp tục khai báo mục 11.2)

***11.1. Nếu có, khai tiếp các thông tin sau:***

a) Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025-2005 hoặc tương đương:

[ ]  Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận ................................................................

[ ]  Cơ sở tự áp dụng

b) Thiết bị thử nghiệm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Nước sản xuất** | **Tổng công suất** | **Năm bắt đầu sử dụng** |
|  |  |  |  |  |

c) Chỉ tiêu thử nghiệm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Phương pháp** | **Ghi chú** |
| 1. **Hàm lượng hoạt chất**
 |
| 1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| 1. **Tạp chất**
 |
| 1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| 1. **Tính chất hóa lý**
 |
| 1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

 *(Đánh dấu \* đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/ chỉ định bởi các tổ chức chứng nhận/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

d) Nhân lực

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Nam/Nữ** | **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ** | **Chức vụ, chức danh** | **Những khóa đào tạo đã tham gia** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

***11.2. Nếu không có,*** khai báo tên những đơn vị phân tích cơ sở có hợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm

......................................................................................................................................................

**12. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001:2008 hoặc tương đương**

[ ]  Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận ...........................................................................

[ ]  Cơ sở tự áp dụng.

**13. Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001:2010 hoặc tương đương**

[ ]  Được chứng nhận bởi Tổ chức chứng nhận ...........................................................................

[ ]  Cơ sở tự áp dụng.

**14. Những thông tin khác**

......................................................................................................................................................

 **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

 *(Ký tên, đóng dấu )*

**Phụ lục XXI**

**MẪU KẾ HOẠCH HOẶC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA,**

**ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số* **21***/2015 /TT-BNNPTNT ngày* **08** *tháng* **6** *năm 2015*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN**TÊN ĐƠN VỊ**  |  |

**KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỤ CỐ HÓA CHẤT**

**CỦA …………………**

**I. Mở đầu**

1. Giới thiệu về dự án hoặc cơ sở hóa chất.

2. Tính cần thiết phải lập Kế hoạch.

3. Các căn cứ pháp lý lập Kế hoạch.

**II. Phần thứ nhất**

**THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN, CƠ SỞ HÓA CHẤT**

1. Thông tin về quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh: Công suất, diện tích xây dựng, địa điểm xây dựng công trình.

2. Các hạng mục công trình bao gồm công trình chính, công trình phụ và các công trình khác, danh mục thiết bị sản xuất chính.

3. Công nghệ sản xuất.

4. Bản kê khai tên hoá chất, khối lượng, đặc tính lý hoá học, độc tính của mỗi loại hoá chất nguy hiểm là nguyên liệu, hoá chất trung gian và hoá chất thành phẩm. Trường hợp các loại hoá chất trong dự án, cơ sở hóa chất đã có phiếu an toàn hoá chất hoặc đã được chứng nhận hoàn thành khai báo theo quy định, tổ chức, cá nhân có dự án, cơ sở hoá chất có thể sử dụng phiếu an toàn hoá chất hoặc chứng nhận hoàn thành khai báo thay cho bản kê khai đặc tính hoá chất.

5. Bản mô tả các yêu cầu kỹ thuật về bao gói, bảo quản và vận chuyển của mỗi loại hoá chất nguy hiểm, bao gồm:

* Các loại bao bì, bồn, thùng chứa hoá chất nguy hiểm dự kiến sử dụng trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển, vật liệu chế tạo và lượng chứa lớn nhất của từng loại;
* Yêu cầu về tiêu chuẩn thiết kế, chế tạo, điều kiện về cơ sở thiết kế chế tạo. Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài phải ghi rõ tên tiêu chuẩn và tên tổ chức ban hành;
* Các điều kiện bảo quản về nhiệt độ, áp suất; yêu cầu phòng chống va đập, chống sét, chống tĩnh điện;
* Các phương tiện, hệ thống vận chuyển nội bộ dự kiến sử dụng trong dự án, cơ sở hóa chất.

6. Mô tả điều kiện địa lý, địa hình, đặc điểm khí tượng thuỷ văn khu vực thực hiện dự án, cơ sở hóa chất.

7. Bản danh sách các công trình công nghiệp, quân sự, khu dân cư, hành chính, thương mại, các công trình tôn giáo, các khu vực nhạy cảm về môi trường trong phạm vi 1000 m bao quanh vị trí dự án, cơ sở hóa chất.

**III. Phần thứ hai**

**DỰ BÁO NGUY CƠ XẢY RA SỰ CỐ VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TRA,**

**GIÁM SÁT CÁC NGUỒN NGUY CƠ SỰ CỐ HÓA CHẤT**

1. Lập bản danh sách các điểm nguy cơ bao gồm các vị trí đặt các thiết bị sản xuất hoá chất nguy hiểm chủ yếu, các thiết bị hoặc khu vực tập trung lưu trữ hoá chất nguy hiểm kèm theo điều kiện công nghệ sản xuất, bảo quản; số người lao động dự kiến có mặt trong khu vực. Liệt kê các sự cố rò rỉ, tràn đổ hoặc cháy nổ hóa chất nguy hiểm có thể xảy ra tại từng điểm nguy cơ, phân tích nguyên nhân, điều kiện xảy ra sự cố.

2. Xây dựng các giải pháp phòng ngừa sự cố và lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố: Kế hoạch kiểm tra thường xuyên, đột xuất; quy định thành phần kiểm tra, trách nhiệm của người kiểm tra, nội dung kiểm tra, giám sát; quy định lưu giữ hồ sơ kiểm tra.

**IV. Phần thứ ba**

**DỰ BÁO TÌNH HUỐNG XẢY RA SỰ CỐ HÓA CHẤT**

**VÀ PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ**

1. Dự kiến diễn biến tình huống sự cố, ước lượng về hậu quả tiếp theo, phạm vi tác động, mức độ tác động đến người và môi trường xung quanh khi sự cố không được kiểm soát, ngăn chặn. Việc xác định hậu quả phải dựa trên mức độ hoạt động lớn nhất của thiết bị hoặc khu vực lưu trữ hoá chất nguy hiểm.

2. Phương án ứng phó đối với các sự cố đã dự báo. Kế hoạch phối hợp các lực lượng bên trong và bên ngoài ứng phó sự cố. Kế hoạch sơ tán người, tài sản.

**V. Phần thứ tư**

**NĂNG LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT**

1. Bản nhân lực ứng phó sự cố hóa chất: Dự kiến về hệ thống tổ chức, điều hành và trực tiếp cứu hộ, xử lý sự cố.

2. Bản liệt kê trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hoá chất: Tên thiết bị, số lượng, tình trạng thiết bị; hệ thống bảo vệ, hệ thống dự phòng nhằm cứu hộ, ngăn chặn sự cố.

3. Hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp.

1. Kế hoạch huấn luyện và diễn tập theo định kỳ.

**VI. Phần thứ năm**

**PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SỰ CỐ HÓA CHẤT**

Phương án khắc phục hậu quả sự cố hoá chất được lập theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Nội dung của phương án khắc phục hậu quả sự cố hoá chất bao gồm các vấn đề sau:

1. Biện pháp ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khoẻ và đời sống của nhân dân trong vùng.

2. Biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

3. Bản hướng dẫn chi tiết các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm do sự cố hóa chất.

**VII. Phần thứ sáu**

**KẾT LUẬN**

1. Đánh giá của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất về Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

2. Cam kết của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất.

3. Những kiến nghị của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất.

*(Kiến nghị về những nội dung nằm ngoài thẩm quyền của chủ đầu tư dự án, cơ sở hóa chất để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành dự án, cơ sở hóa chất).*

**Phụ lục**

**CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO**

1. Bản đồ vị trí khu đất đặt dự án, cơ sở hóa chất.

2. Bản đồ mô tả các vị trí lưu trữ, bảo quản hoá chất dự kiến trong mặt bằng dự án, cơ sở sản xuất và trạng thái bảo quản (ngầm, nửa ngầm, trên mặt đất).

3. Sơ đồ mặt bằng bố trí thiết bị và sơ đồ dây chuyền công nghệ, khối lượng hoá chất nguy hiểm tại các thiết bị sản xuất chính, thiết bị chứa trung gian.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Tài liệu tham khảo (nếu có): Bao gồm tên tài liệu tham khảo, tên tác giả, năm xuất bản, nhà xuất bản./.

**Phụ lục XIX**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số* **21***/2015 /TT-BNNPTNT ngày* **08** *tháng* **6** *năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**Số: ……/CNSXT-BVTV |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT****CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT CHỨNG NHẬN:**Tên cơ sở: …………………………………………………………………………………… Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………Điện thoại: ………………… Fax: ………………... E-mail: …………………..Tên đơn vị chủ quản: ……………………………………………………………………….Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………Điện thoại: ………………… Fax: ………………... E-mail: …………………..**ĐỦ ĐIỀU KIỆN:**1. *Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục 1)*
2. *Sản xuất thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật từ thuốc kỹ thuật các dạng (chi tiết tại Phụ lục 2)*
3. *Đóng gói thuốc bảo vệ thực vật các dạng (chi tiết tại Phụ lục 3)*

 *….., ngày …. tháng …. năm 20…*Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày … tháng … năm 20…**CỤC TRƯỞNG** |